

DANH SÁCH CÁC LỚP THỰC HÀNH THEO HÌNH THỨC 1 - CƠ SỞ LINH TRUNG
CHƯƠNG TRÌNH CHÍNH QUY CHUẨN VÀ CỬ NHÂN TÀI NĂNG, HỌC KỲ 1, NĂM HỌC 2023-2024

Thời gian học khóa 2022: từ ngày 16/10/2023 đến ngày 07/01/2024. Thời gian học khóa 2023 và 2021: từ ngày 02/10/2023 đến ngày 31/12/2023.										Ca TH	Tiết BD - Tiết KT	Giờ BD - Giờ KT
Trong đó, Khóa 2022 tuần 16/10/2023 và tuần 27/11/2023 thực hành HT2. Khóa 2021 và 2023 tuần 02/10/2023 và tuần 13/11/2023 thực hành HT2; các tuần khác thực hành HT1.										1	1 - 2.5	7g30 - 9g35
Thi cuối kỳ TH: Khóa 2022 tuần 08/01/2024. Khóa 2021 và 2023 tuần 25/12/2023										2	3.5 - 5	9g35 - 11g40
Địa điểm học: Phòng máy LT-PMC201, LT-PMC202, LT-PMD203, LT-PMD204										3	6 - 7.5	12g30 - 14g35
										4	8.5 - 10	14g35 - 16g40

STT	LỚP	MÃ LỚP ĐKHP	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	Số tiết TH	Nhóm	Thứ	Tiết BD - Tiết KT	Phòng	Số SV	SỐ GV HDTH	GV HDTH	GHI CHÚ
1	CNTN2022	22TNT1TN1	CSC10004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	30	N1	T2	6-7.5	LT-PMD203	40	1		
2	CQ2022/2	22CTT2A	CSC10004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	30	N1	T4	3.5-5	LT-PMD203	30	1		
3	CQ2022/2	22CTT2B	CSC10004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	30	N2	T4	1-2.5	LT-PMD203	30	1		
4	CQ2022/2	22CTT2C	CSC10004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	30	N3	T6	1-2.5	LT-PMD203	30	1		
5	CQ2022/3	22CTT3A	CSC10004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	30	N1	T3	6-7.5	LT-PMD203	30	1		
6	CQ2022/3	22CTT3B	CSC10004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	30	N2	T3	8.5-10	LT-PMD203	30	1		
7	CQ2022/3	22CTT3C	CSC10004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	30	N3	T4	6-7.5	LT-PMD203	30	1		
8	CQ2022/4	22CTT4A	CSC10004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	30	N1	T6	6-7.5	LT-PMD203	30	1		
9	CQ2022/4	22CTT4B	CSC10004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	30	N2	T5	3.5-5	LT-PMD203	30	1		
10	CQ2022/4	22CTT4C	CSC10004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	30	N3	T6	8.5-10	LT-PMD203	30	1		
11	CQ2022/5	22CTT5A	CSC10004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	30	N1	T2	1-2.5	LT-PMD203	30	1		
12	CQ2022/5	22CTT5B	CSC10004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	30	N2	T2	3.5-5	LT-PMD203	30	1		
13	CQ2022/5	22CTT5C	CSC10004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	30	N3	T5	1-2.5	LT-PMD203	30	1		
14	CQ2022/6	22CTT6A	CSC10004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	30	N1	T3	3.5-5	LT-PMD203	30	1		
15	CQ2022/6	22CTT6B	CSC10004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	30	N2	T3	1-2.5	LT-PMD203	30	1		
16	CQ2022/6	22CTT6C	CSC10004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	30	N3	T4	8.5-10	LT-PMD203	30	1		
17	TTNT2022	22TNT1A	CSC10004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	30	N1	T6	3.5-5	LT-PMD203	30	1		
18	CQ2021/5	21_5	CSC10006	Cơ sở dữ liệu	30	N1	T5	6-7.5	LT-PMD203	30	1		
19	CQ2021/5	21_5	CSC10006	Cơ sở dữ liệu	30	N2	T5	8.5-10	LT-PMD203	30	1		
20	TTNT2023	23TNT1A	CSC00009	Giới thiệu ngành Trí tuệ nhân tạo	30	N1	T3	6-7.5	LT-PMC201	30	1		
21	TTNT2023	23TNT1B	CSC00009	Giới thiệu ngành Trí tuệ nhân tạo	30	N2	T3	8.5-10	LT-PMC201	30	1		

Thời gian học khóa 2022: từ ngày 16/10/2023 đến ngày 07/01/2024. Thời gian học khóa 2023 và 2021: từ ngày 02/10/2023 đến ngày 31/12/2023.

Trong đó, Khóa 2022 tuần 16/10/2023 và tuần 27/11/2023 thực hành HT2. Khóa 2021 và 2023 tuần 02/10/2023 và tuần 13/11/2023 thực hành HT2; các tuần khác thực hành

Thi cuối kỳ TH: Khóa 2022 tuần 08/01/2024. Khóa 2021 và 2023 tuần 25/12/2023

Địa điểm học: Phòng máy LT-PMC201, LT-PMC202, LT-PMD203, LT-PMD204

Ca TH	Tiết BD - Tiết KT	Giờ BD - Giờ KT
1	1 - 2.5	7g30 - 9g35
2	3.5 - 5	9g35 - 11g40
3	6 - 7.5	12g30 - 14g35
4	8.5 - 10	14g35 - 16g40

STT	LỚP	MÃ LỚP ĐKHP	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	Số tiết TH	Nhóm	Thứ	Tiết BD - Tiết KT	Phòng	Số SV	SỐ GV HDTH	GV HDTH	GHI CHÚ
22	CQ2022/7	22CTT7A	CSC10002	Kỹ thuật lập trình	30	N1	T6	6-7.5	LT-PMD204	30	1		
23	CQ2022/7	22CTT7B	CSC10002	Kỹ thuật lập trình	30	N2	T6	8.5-10	LT-PMD204	30	1		
24	CNTN2023	23TNT1TN1	CSC00004	Nhập môn Công nghệ thông tin	30	N1	T4	3.5-5	LT-PMC201	40	1		
25	CQ2023/1	23CTT1A	CSC00004	Nhập môn Công nghệ thông tin	30	N1	T2	1-2.5	LT-PMC201	30	1		
26	CQ2023/1	23CTT1B	CSC00004	Nhập môn Công nghệ thông tin	30	N2	T2	3.5-5	LT-PMC201	30	1		
27	CQ2023/1	23CTT1C	CSC00004	Nhập môn Công nghệ thông tin	30	N3	T2	6-7.5	LT-PMC201	30	1		
28	CQ2023/2	23CTT2A	CSC00004	Nhập môn Công nghệ thông tin	30	N1	T5	3.5-5	LT-PMC201	30	1		
29	CQ2023/2	23CTT2B	CSC00004	Nhập môn Công nghệ thông tin	30	N2	T5	1-2.5	LT-PMC201	30	1		
30	CQ2023/2	23CTT2C	CSC00004	Nhập môn Công nghệ thông tin	30	N3	T5	6-7.5	LT-PMC201	30	1		
31	CQ2023/3	23CTT3A	CSC00004	Nhập môn Công nghệ thông tin	30	N1	T3	1-2.5	LT-PMC201	30	1		
32	CQ2023/3	23CTT3B	CSC00004	Nhập môn Công nghệ thông tin	30	N2	T3	3.5-5	LT-PMC201	30	1		
33	CQ2023/3	23CTT3C	CSC00004	Nhập môn Công nghệ thông tin	30	N3	T2	8.5-10	LT-PMC201	30	1		
34	CQ2023/4	23CTT4A	CSC00004	Nhập môn Công nghệ thông tin	30	N1	T6	1-2.5	LT-PMC201	30	1		
35	CQ2023/4	23CTT4B	CSC00004	Nhập môn Công nghệ thông tin	30	N2	T6	3.5-5	LT-PMC201	30	1		
36	CQ2023/4	23CTT4C	CSC00004	Nhập môn Công nghệ thông tin	30	N3	T6	6-7.5	LT-PMC201	30	1		
37	CQ2023/5	23CTT5A	CSC00004	Nhập môn Công nghệ thông tin	30	N1	T4	8.5-10	LT-PMC201	30	1		
38	CQ2023/5	23CTT5B	CSC00004	Nhập môn Công nghệ thông tin	30	N2	T5	8.5-10	LT-PMC201	30	1		
39	CQ2023/5	23CTT5C	CSC00004	Nhập môn Công nghệ thông tin	30	N3	T4	6-7.5	LT-PMC201	30	1		
40	CNTN2023	23TNT1TN1	CSC10001	Nhập môn lập trình	30	N1	T3	6-7.5	LT-PMC202	40	1		
41	CQ2023/1	23CTT1A	CSC10001	Nhập môn lập trình	30	N1	T2	3.5-5	LT-PMC202	30	1		

Thời gian học khóa 2022: từ ngày 16/10/2023 đến ngày 07/01/2024. Thời gian học khóa 2023 và 2021: từ ngày 02/10/2023 đến ngày 31/12/2023.

Trong đó, Khóa 2022 tuần 16/10/2023 và tuần 27/11/2023 thực hành HT2. Khóa 2021 và 2023 tuần 02/10/2023 và tuần 13/11/2023 thực hành HT2; các tuần khác thực hành

Thi cuối kỳ TH: Khóa 2022 tuần 08/01/2024. Khóa 2021 và 2023 tuần 25/12/2023

Địa điểm học: Phòng máy LT-PMC201, LT-PMC202, LT-PMD203, LT-PMD204

Ca TH	Tiết BD - Tiết KT	Giờ BD - Giờ KT
1	1 - 2.5	7g30 - 9g35
2	3.5 - 5	9g35 - 11g40
3	6 - 7.5	12g30 - 14g35
4	8.5 - 10	14g35 - 16g40

STT	LỚP	MÃ LỚP ĐKHP	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	Số tiết TH	Nhóm	Thứ	Tiết BD - Tiết KT	Phòng	Số SV	SỐ GV HDTH	GV HDTH	GHI CHÚ
42	CQ2023/1	23CTT1B	CSC10001	Nhập môn lập trình	30	N2	T2	1-2.5	LT-PMC202	30	1		
43	CQ2023/1	23CTT1C	CSC10001	Nhập môn lập trình	30	N3	T2	8.5-10	LT-PMC202	30	1		
44	CQ2023/2	23CTT2A	CSC10001	Nhập môn lập trình	30	N1	T5	1-2.5	LT-PMC202	30	1		
45	CQ2023/2	23CTT2B	CSC10001	Nhập môn lập trình	30	N2	T5	3.5-5	LT-PMC202	30	1		
46	CQ2023/2	23CTT2C	CSC10001	Nhập môn lập trình	30	N3	T3	1-2.5	LT-PMC202	30	1		
47	CQ2023/3	23CTT3A	CSC10001	Nhập môn lập trình	30	N1	T5	6-7.5	LT-PMC202	30	1		
48	CQ2023/3	23CTT3B	CSC10001	Nhập môn lập trình	30	N2	T5	8.5-10	LT-PMC202	30	1		
49	CQ2023/3	23CTT3C	CSC10001	Nhập môn lập trình	30	N3	T2	6-7.5	LT-PMC202	30	1		
50	CQ2023/4	23CTT4A	CSC10001	Nhập môn lập trình	30	N1	T6	3.5-5	LT-PMC202	30	1		
51	CQ2023/4	23CTT4B	CSC10001	Nhập môn lập trình	30	N2	T6	6-7.5	LT-PMC202	30	1		
52	CQ2023/4	23CTT4C	CSC10001	Nhập môn lập trình	30	N3	T6	1-2.5	LT-PMC202	30	1		
53	CQ2023/5	23CTT5A	CSC10001	Nhập môn lập trình	30	N1	T4	6-7.5	LT-PMC202	30	1		
54	CQ2023/5	23CTT5B	CSC10001	Nhập môn lập trình	30	N2	T3	3.5-5	LT-PMC202	30	1		
55	CQ2023/5	23CTT5C	CSC10001	Nhập môn lập trình	30	N3	T4	8.5-10	LT-PMC202	30	1		
56	TTNT2023	23TNT1A	CSC10001	Nhập môn lập trình	30	N1	T4	1-2.5	LT-PMC202	30	1		
57	TTNT2023	23TNT1B	CSC10001	Nhập môn lập trình	30	N2	T4	3.5-5	LT-PMC202	30	1		
58	CQ2021/5	21_5	CSC10003	Phương pháp lập trình hướng đối tượng	30	N1	T3	1-2.5	LT-PMD204	30	1		
59	CQ2021/5	21_5	CSC10003	Phương pháp lập trình hướng đối tượng	30	N2	T3	3.5-5	LT-PMD204	30	1		
60	CNTN2022	22TNTTN1	MTH00050	Toán học tổ hợp	30	N1	T2	3.5-5	LT-PMD204	40	1		

Thời gian học khóa 2022: từ ngày 16/10/2023 đến ngày 07/01/2024. Thời gian học khóa 2023 và 2021: từ ngày 02/10/2023 đến ngày 31/12/2023.

Trong đó, Khóa 2022 tuần 16/10/2023 và tuần 27/11/2023 thực hành HT2. Khóa 2021 và 2023 tuần 02/10/2023 và tuần 13/11/2023 thực hành HT2; các tuần khác thực hành

Thi cuối kỳ TH: Khóa 2022 tuần 08/01/2024. Khóa 2021 và 2023 tuần 25/12/2023

Địa điểm học: Phòng máy LT-PMC201, LT-PMC202, LT-PMD203, LT-PMD204

Ca TH	Tiết BD - Tiết KT	Giờ BD - Giờ KT
1	1 - 2.5	7g30 - 9g35
2	3.5 - 5	9g35 - 11g40
3	6 - 7.5	12g30 - 14g35
4	8.5 - 10	14g35 - 16g40

STT	LỚP	MÃ LỚP ĐKHP	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	Số tiết TH	Nhóm	Thứ	Tiết BD - Tiết KT	Phòng	Số SV	SỐ GV HDTH	GV HDTH	GHI CHÚ
61	CQ2022/2	22CTT2A	MTH00050	Toán học tổ hợp	30	N1	T5	1-2.5	LT-PMD204	30	1		
62	CQ2022/2	22CTT2B	MTH00050	Toán học tổ hợp	30	N2	T5	3.5-5	LT-PMD204	30	1		
63	CQ2022/2	22CTT2C	MTH00050	Toán học tổ hợp	30	N3	T6	3.5-5	LT-PMD204	30	1		
64	CQ2022/3	22CTT3A	MTH00050	Toán học tổ hợp	30	N1	T4	1-2.5	LT-PMD204	30	1		
65	CQ2022/3	22CTT3B	MTH00050	Toán học tổ hợp	30	N2	T4	3.5-5	LT-PMD204	30	1		
66	CQ2022/3	22CTT3C	MTH00050	Toán học tổ hợp	30	N3	T3	8.5-10	LT-PMD204	30	1		
67	CQ2022/4	22CTT4A	MTH00050	Toán học tổ hợp	30	N1	T5	6-7.5	LT-PMD204	30	1		
68	CQ2022/4	22CTT4B	MTH00050	Toán học tổ hợp	30	N2	T2	6-7.5	LT-PMD204	30	1		
69	CQ2022/4	22CTT4C	MTH00050	Toán học tổ hợp	30	N3	T5	8.5-10	LT-PMD204	30	1		
70	CQ2022/5	22CTT5A	MTH00050	Toán học tổ hợp	30	N1	T4	6-7.5	LT-PMD204	30	1		
71	CQ2022/5	22CTT5B	MTH00050	Toán học tổ hợp	30	N2	T4	8.5-10	LT-PMD204	30	1		
72	CQ2022/5	22CTT5C	MTH00050	Toán học tổ hợp	30	N3	T2	8.5-10	LT-PMD204	30	1		
73	CQ2022/6	22CTT6A	MTH00050	Toán học tổ hợp	30	N1	T7	1-2.5	LT-PMD204	30	1		
74	CQ2022/6	22CTT6B	MTH00050	Toán học tổ hợp	30	N2	T7	3.5-5	LT-PMD204	30	1		
75	CQ2022/6	22CTT6C	MTH00050	Toán học tổ hợp	30	N3	T3	6-7.5	LT-PMD204	30	1		
76	TTNT2022	22TNT1A	MTH00050	Toán học tổ hợp	30	N1	T6	1-2.5	LT-PMD204	30	1		